

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 150/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 04/8/2026

V/v: “Tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Ánh Tuyết**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lê Thị Thuý Hằng**

2. Bà **Lê Thanh Thuỷ**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Chí Thăng**- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 04 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3- An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 342/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 312/2026/QĐXX-ST, ngày 21 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Dương Thị Thuý V**, sinh năm 1995

Địa chỉ: phường R, tỉnh An Giang.

- **Bị đơn:** Ông **Dương Văn Đ**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp V, xã B, tỉnh An Giang

Bà V và ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị Thuý V trình bày:*

Bà và ông Dương Văn Đ tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới vào năm 2011 và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (nay là phường Rạch Giá, tỉnh An Giang).

Trong thời gian hôn nhân, vợ chồng có 02 con chung là Dương Ngọc Thúy V1, sinh ngày 15/01/2012 và Dương Trí V2, sinh ngày 25/10/2017. Về tài sản chung và nợ chung, bà xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Theo bà V, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng quan điểm

trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không thể hàn gắn. Hai bên đã sống ly thân khoảng 02 năm, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, việc tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân không còn ý nghĩa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Dương Văn Đ.

Về con chung, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con là Dương Ngọc Thúy V1, sinh ngày 15/01/2012 và Dương Trí V2, sinh ngày 25/10/2017; không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung, bà xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 07/7/2026, bị đơn ông Dương Văn Đ trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Dương Thị Thúy V về thời điểm kết hôn, việc đăng ký kết hôn, quá trình chung sống. Trong thời gian chung sống ông và bà V có 02 con chung là Dương Ngọc Thúy V1, sinh ngày 15/01/2012 và Dương Trí V2, sinh ngày 25/10/2017. Ông xác nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống, dẫn đến việc hai bên đã sống ly thân khoảng 02 năm. Từ khi ly thân đến nay, các con đều do bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay bà V khởi kiện xin ly hôn ông có ý kiến sau:

Về hôn nhân, đồng ý ly hôn với bà Dương Thị Thúy V.

Về con chung, ông thống nhất giao hai con là Dương Ngọc Thúy V1, sinh ngày 15/01/2012 và Dương Trí V2, sinh ngày 25/10/2017 cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung, ông xác định không có, đồng thời không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Dương Thị Thúy V khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Dương Văn Đ và giải quyết việc nuôi con chung sau khi ly hôn. Đây là tranh chấp về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Dương Văn Đ cư trú tại ấp V, xã B, tỉnh An Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - An Giang.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Việc xét xử vắng mặt các đương sự không ảnh hưởng

đền việc giải quyết vụ án, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định bà Dương Thị Thúy V và ông Dương Văn Đ tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (nay là phường Rạch Giá, tỉnh An Giang). Việc đăng ký kết hôn được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông Đ là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo trình bày của bà V, trong thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận. Tuy nhiên, quá trình chung sống về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, không còn sự quan tâm, chia sẻ và tôn trọng lẫn nhau như trước. Mặc dù đã có thời gian để hàn gắn nhưng mâu thuẫn giữa hai bên ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên vợ chồng đã sống ly thân khoảng 02 năm. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Dương Văn Đ cũng xác nhận toàn bộ tình trạng mâu thuẫn, thời gian ly thân đúng như bà V trình bày và thống nhất đồng ý ly hôn với bà V.

Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác định vợ chồng không còn chung sống và đều thống nhất ly hôn. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Dương Thị Thúy V và ông Dương Văn Đ theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà V và ông Đ có 02 con chung là Dương Ngọc Thúy V1, sinh ngày 15/01/2012 và Dương Trí V2, sinh ngày 25/10/2017. Sau khi vợ chồng ly thân, con chung do bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà V có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông Đ cũng thống nhất giao các con cho bà V chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét thấy, việc bà V và ông Đ tự nguyện thỏa thuận giao các con chung là Dương Ngọc Thúy V1 và Dương Trí V2 cho bà V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của các con, đồng thời bảo đảm tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của các con về mọi mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự

thỏa thuận của các đương sự và giao bà V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Dương Thị Thúy V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Dương Thị Thúy V và ông Dương Văn Đ trình bày trong quá trình chung sống, ông bà không có tài sản chung, cũng như không phát sinh nợ chung, do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Dương Thị Thúy V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Dương Thị Thúy V và ông Dương Văn Đ

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà Dương Thị Thúy V và ông Dương Văn Đ thống nhất giao con chung là Dương Ngọc Thúy V1, sinh ngày 15/01/2012 và Dương Trí V2, sinh ngày 25/10/2017 cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bà V tự nguyện không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Dương Văn Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Dương Thị Thúy V phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 306225 ngày 05/5/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - An Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 3;
- Phòng THADS Khu vực 3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Huỳnh Ánh Tuyết